

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 23-5-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Ngô Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Lương Văn D, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị L (nguyên đơn) khai:*

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị L kết hôn với ông Lương Văn D trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn số 01 ngày 18 tháng 11 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, sinh hoạt và làm ăn kinh tế dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Ông D đã nhiều lần đánh đập, xúc phạm bà L và đuổi bà L ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn bà L và ông D đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lương Văn D.

Về con chung: Bà Phạm Thị L khai bà và ông Lương Văn D có 02 con chung là Lương Văn T, sinh ngày 19/9/1995 và Lương Khánh H, sinh ngày 01/8/2001. Hiện bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Khánh H. Trường hợp ly hôn bà L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung là Lương Khánh H. Con chung tên Lương Văn T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung bà Phạm Thị L không yêu cầu ông Lương Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị L khai bà và ông Lương Văn D không có tài sản chung, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lương Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật song đến ngày mở phiên tòa, ông Lương Văn D vẫn không có mặt để trình bày ý kiến về việc bà Phạm Thị L xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu điều tra thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị L và ông Lương Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà L và ông D được ly hôn. Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Lương Văn D có 02 con chung là Lương Văn T, sinh ngày 19/9/1995 và Lương Khánh H, sinh ngày 01/8/2001. Đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu điều tra xác minh hiện trạng nuôi con, khả năng, điều kiện nuôi con của mỗi bên, nguyện vọng của con chung và căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho bà Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Khánh H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn là bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị L là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Lương Văn D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông D.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị L và ông Lương Văn D là hợp pháp. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng bà L, ông D hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, sinh hoạt, làm ăn kinh tế dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn bà L và ông D đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà L xin ly hôn ông D, Tòa án đã triệu tập ông D nhiều lần để trình bày ý kiến về việc bà L xin ly hôn nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện ông D không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn ông Lương Văn D.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Lương Văn D có 02 con chung là Lương Văn T, sinh ngày 19/9/1995 và Lương Khánh H, sinh ngày 01/8/2001. Hiện bà L đang trực tiếp nuôi con chung là Lương Khánh H. Trường hợp ly hôn bà L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lương Khánh H. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét từ khi sống ly thân đến nay, bà L là người trực tiếp nuôi con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Con chung Lương Khánh H có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, giao cho bà Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Khánh H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung là Lương Văn T đã thành niên và có khả năng lao động, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau khi ly hôn,

người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị L khai bà và ông Lương Văn D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L và ông Lương Văn D được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Khoản 1; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:*

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Lương Văn D.
2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Khánh H, sinh ngày 01/8/2001 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008663 ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, bà Phạm Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị L và ông Lương Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã K, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Anh**